

" KHÓC BẠN " CỦA ÁU OANH , CHUYỆN THẬT CẢM ĐỘNG CỦA VỢ NHÀ VĂN KHÔNG QUÂN DƯƠNG HÙNG CƯỜNG, TÙ CÁI TẠO MIỀN NAM SAU 30/4/1975

Tuy đã đọc nhiều lần nhưng tôi nay đọc lại tôi vẫn không dần được nước mắt thương cảm cho những "Cái Cờ" của Miền Nam Việt Nam sau 30/4/1975.

*"Cái cò lặn lội bờ mương, vét cống đào đường cái rét lạnh căm
Chồng em giặc bắt biệt tăm, tù Nam tù Bắc biết thăm nơi nào
Một đêm gió lộng mưa gào, được tin anh đã đi vào thiên thu
Chồng em chết giữa ngục thù, khổ sai đôi rét cộng thù giết anh."*

(Xin cho tôi được vãng tục , như nhà văn Cộng sản Dương thu Hương ngày mới vào Sài gòn , hồi tháng 5-1975 :

" TỔ sư nhà chúng nó , tội gian ác bất nhân sẽ bị, Trời tru , đất triệt đến ngàn đời ! ")

Xin mời đọc : KHÓC BẠN " của Áu Oanh.

<https://sangtao.org/2015/07/18/khoc-ban/#more-75604>

"Thật tội nghiệp cho bạn tôi. Cũng thật tội nghiệp cho những người phụ nữ trót sinh ra trong thời đại chúng tôi.

Vết thương tang chồng chưa ngưng chảy máu thì 3 tháng sau Oanh lại phải rút ruột đẩy đứa con gái đầu lòng thân yêu, Dương Mạc Thi, ra đi trong một chuyến vượt biển với bao bất trắc chờ đợi.

Than ôi, đó cũng là lần cuối cùng Oanh nắm được bàn tay nhỏ bé của con: chuyến tàu chở cháu Thi đã không bao giờ tới bến. Chỉ trong vòng 4 tháng Oanh đưa hình hai người thương yêu nhất đời mình lên chùa..."

Áu Oanh



*“Bác Dương thôi đã thôi rồi
Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta...”*

Từ thuở ấu thơ, anh em chúng tôi đều được mẹ ru bằng bài thơ Khóc Bạn của cụ Tam nguyên Yên Đỗ khóc ông cố nội chúng tôi là cụ Nghè Dương Khuê. Bài thơ trở thành bài ca dao nằm trong ký ức tôi từ ngày đó, hơn 40 năm sau lại bật ra như những lời nhớ thương tha thiết của tôi với người bạn thân: Vũ Hoàng Oanh. Nguyễn Khuyến khóc Dương Khuê lúc tuổi đời đã xế chiều nên nỗi nhớ chỉ là ngậm ngùi, còn tôi khóc bạn khi tuổi đời chưa tới 50 là cái khóc xót thương vô hạn.

Ngày còn học Trung Vương thì Oanh học trên tôi một lớp. Chúng tôi chỉ biết nhau nhưng chưa phải là bạn. Mãi đến khi thi vào trường Sư Phạm, vô tình làm sao, hai đứa trùng tên nên có sổ báo danh kế nhau. Gặp nhau ở trường thi, lại ngồi cạnh nhau thì không quen cũng thành quen huống chi chúng tôi cùng là dân TV lại biết nhau từ trước. Dĩ nhiên hai đứa tôi mau chóng kết hợp với nhau, cốp qua cốp lại bài nhau nên kết quả là hai đứa cùng đậu và còn được xếp chung vào một lớp. Tôi và Oanh trở thành bạn thân từ đấy.

Oanh không đẹp nhưng dễ thương với đôi má bầu bĩnh, đôi mắt hơi đượm buồn, lúc nào cũng như vương vất một câu hỏi gì chưa được giải đáp. Nhưng điều mà bạn bè nhớ nhất ở Oanh là tính tình đôn hậu, chiều bạn và tử tế với mọi người.

Đời học trò, dẫu rằng lớp học trò này đang chuẩn bị làm người lớn, vẫn có biết bao niềm vui nỗi buồn non trẻ để chia sẻ cùng nhau. Đôi khi thấy bạn bè có người yêu đến đón hoặc ghé thăm, đôi mắt hỏi han của Oanh chợt tối lại, vương một chút buồn bã. Tôi gạn hỏi, Oanh chỉ lắc đầu, nhiều lần sau nữa, chẳng dặng dưng, Oanh cười mím chi đáp “Nhớ bỏ” “Thế bỏ đâu rồi” “Bỏ thuộc người khác rồi”, rồi nhanh chóng Oanh lảng ngay “Thôi khi ả, đừng hỏi nữa, chuyện xưa rồi”.

Thời gian trôi thật nhanh. Gần đến ngày ra trường, chúng tôi gấp rút học thi và ráo riết chuẩn bị các bài thi thực tập. Một hôm, gặp phải bài thi học búa, tôi hỏi mượn Oanh một bài mẫu vì Oanh rất chăm chỉ trong việc sưu tầm các bài dạy mẫu, còn tôi là con cháu họ lười nên rất chảnh mảng. Oanh đang hí hoáy viết nên bảo “Mở cặp ra, ngăn bên trái đó”. Tôi mở cặp lục lọi. Bài mẫu chẳng thấy đâu, tôi vớ ngay được một lá thư.

Quên bémng ngay bài dạy, tôi len lén kéo nhẹ tờ thư ra khỏi bao và liếc thật nhanh vài giòng. “Ồ, thư tình”, tôi thầm kêu trong đầu. Vừa lúc đó Oanh quay sang, thấy vậy, Oanh vội vã quăng ngay cây bút, soài người giựt lại lá thư, miệng la bài hải “Ồi, ời, trả đây, trả đây”. Lá thư không dài và cũng không có những lời lẽ yêu đương hoa mỹ nhưng đọc thì biết ngay đó là thư tình, thư tình của một nhà văn. Ngôn ngữ, nhất là ngôn ngữ của một người viết văn thì có muôn ngàn cách để bày tỏ tình yêu. Tôi mừng thấy bạn bẽn lẽn cất lá thư. Một chút ửng hồng trên đôi má bầu bĩnh... Từ đó tôi thấy Oanh hay cười hơn.

Trong khi chờ đợi kết quả sắp hạng ra trường, chúng tôi phải đi khám sức khỏe tại Bệnh viện Chợ Rẫy. Hôm đó Oanh chở tôi bằng chiếc Vélo Solex mượn được. Chỉ còn cách bệnh viện khoảng 100m thì bất ngờ xe đang chạy ngon tron bỗng đâm xam vào một đống đá xanh đỏ ngay giữa lòng đường. Xe mất thăng bằng đổ ập xuống, quăng hai đứa chúng tôi ra hai nơi. Lúc đó tôi đang có thai cháu đầu lòng khoảng 4 tháng.

Hốt hoảng, Oanh bật dậy lao ngay về phía tôi mà không thấy rằng 1 đầu gối quần bị rách để lộ vết thương rướm máu và 1 bàn tay bị đá xanh đậm nát máu thấm đỏ cả.

Oanh linh quỳnh ôm nâng tôi dậy, mặt tái mét, miệng líu lại “Oanh, Oanh có sao không? Có đau bụng không?” Tôi tuy cũng rất lo sợ cho cái thai nhưng thấy Oanh quá lo lắng cho tôi, tôi thấy lòng còn cào thương bạn nên vội trấn an “Minh không sao, đừng lo. Thôi mau nhấc xe dậy, vào ngay bệnh viện nhờ họ băng bó cho Oanh”.

Ra trường, tôi về dạy ở Gia Định, còn Oanh xuống Biên Hoà. Như một xui khiến của số mệnh, người yêu của Oanh, nhà văn Dương Hùng Cường, còn có bút hiệu là Dê Húc Càn đồng thời là một quân nhân cũng đang làm việc tại phi trường Biên Hoà.

Họ đã được gần nhau, cuộc tình dẫn đến kết cuộc tốt đẹp là cái đám cưới vào năm 1964. Năm sau, 1965, Oanh sinh cháu đầu lòng Dương Mạc Thi rồi tiếp theo Oanh sinh liền 7 cô công chúa trong vòng 10 năm. Khi anh Cường đổi về làm việc tại Sài Gòn thì Oanh cũng được chuyển về dạy học tại trường Hồng Bàng (sau năm 1975 thì dạy tại trường Hùng Vương, cùng thuộc quận 5). Chúng tôi lại có dịp gần gũi nhau.

Vào khoảng năm 74 tôi thấy Oanh ngoài giờ dạy ở trường công còn dạy thêm ở 2 trung tâm tư nữa. Thấy tôi thắc mắc sao Oanh dạy quá nhiều, không còn thời giờ dành cho các con nữa thì Oanh tâm sự: “Ông Cường giành phần chăm mấy đứa nhỏ. Ông ấy bảo, ông ru con hay hơn mình”, rồi Oanh xuống giọng “Minh phải dạy thêm lấy tiền cho ông Cường in truyện”.

Nói là chăm sóc con chứ thật ra thì lúc đó gia đình nào cũng có người giúp việc, lo cơm nước, giặt giũ, bế bồng trẻ nhỏ rồi. Tôi thông cảm với Oanh vì thời gian đó, lương hai vợ chồng gom lại, dẫu rằng anh Cường còn viết báo thêm cũng chỉ đủ chi tiêu cho một gia đình mười mấy miệng ăn mà thôi. Muốn in sách truyện, Oanh phải cật lực giúp chồng.

Thế là bao nhiêu tiền bạc dành dụm được đều đổ dồn vào việc cho ra đời đứa con tinh thần “Vĩnh biệt Phượng”.

Thương thay, sách vừa xuất xưởng, chưa kịp phân phối ra ngoài thì ngày 30 tháng 4 như một cơn cuồng phong ập đến, xoá tan hết bao ước mơ, bao xây đắp của cả một miền Nam thân yêu trong đó có 2 gia đình chúng tôi.

Ông xã tôi cũng như anh Dương Hùng Cường đều trở thành tù nhân của chế độ mới và 2 gia đình chúng tôi trở thành những nạn nhân như trăm ngàn gia đình quân nhân công chức chế độ cũ, luôn luôn bị soi mói, rình rập, theo dõi, lúc nào cũng sống trong phập phồng, lo lắng, sợ sệt...

Với đồng lương chết đói, chúng tôi vẫn phải cố bám vào trường lớp để khỏi phải bị đuổi đi vùng kinh tế mới. Hai đứa tôi cùng chia nhau cái ngậm ngùi của số phận. Oanh 7 con và tôi 6, gia tài chỉ là hai bàn tay trắng với cõi lòng đầy ắp âu lo. Chúng tôi càng gần gũi với nhau hơn. Hai đứa lăn lưng ra làm đủ mọi việc

Thoạt đầu là bán sách. Lúc bấy giờ chủ trương của chế độ mới là thiêu hủy hết số sách báo của miền Nam được gọi là văn hoá đồi trụy, tàn dư Mỹ ngụy. Chúng tôi lại

thuộc các gia đình văn nghệ sĩ, càng bị đẽ ý, bị lục soát thường xuyên hơn. Nếu trái lệnh sẽ bị ghép vào đủ thứ tội tình. Để được yên thân nuôi con và cũng là để che mắt thế gian, chúng tôi gom góp hết số “tàn dư Mỹ nguy” trong nhà, nhờ người quen dẫn giắt lên chợ sách Nguyễn Huy Thiệp bày bán.

Nhìn những cuốn sách mình từng nâng niu yêu quý từ từ đội nón ra đi, lòng tôi bùi ngùi khôn tả. Cầm cuốn “Chạy trốn Tự do” mà ông xã tôi mới dịch trước đó không lâu, tôi thầm tự hỏi: “Tại sao lại dịch cuốn sách mang cái tên oan nghiệt này?” Cuốn “Vĩnh Biệt Phương” Của anh Dương Hùng Cường cũng cùng chung số phận, phơi mặt trên 1 tấm ni lông trải dưới mặt đường con phố NHT. Tôi và Oanh thủ 2 cái nón rộng vành, hễ liếc xa xa thấy người quen kẻ thuộc hay bạn bè gần xa của chồng thì lập tức cái nón được kéo sụp xuống. Ôi thời thế có ai học đến chữ ngờ!

Một hôm vào khoảng xế trưa, hai đứa đang ngồi vêu ra thì một cháu gái của Oanh đạp xe lên tìm mẹ, báo tin em bé út vừa phải vào nhà thương. Khi đó cháu Dao Tiên mới non 1 tuổi. Oanh hét hoảng ra về. Hôm sau, rồi hôm sau nữa cũng không thấy Oanh lên tôi đoán chắc Oanh phải ở trong bệnh viện với con. Ba, bốn hôm sau Oanh trở lại, cặp mắt còn sưng, oà khóc, nói “Oanh ơi, cháu Dao Tiên mất rồi. Cháu mất vì thiếu dinh dưỡng, vì đói ăn đó Oanh ạ!”

“Nghê” bán sách của chúng tôi do thời cuộc mà tự sinh thì cũng do thời cuộc mà tự diệt. Chúng tôi học quán thuốc lá, vào bao rồi đem vô Chợ Lớn bán nhưng cũng chẳng được bao lâu thì chợ thuốc lá cũng bị càn quét. Tôi nhờ biết may vá từ nhỏ nên quay ra may quần áo con nít đem giao các chợ, còn Oanh thì đi bỏ mỗi bánh kẹo cho các căn tin trường học. Cứ thế, chúng tôi lần hồi sống qua ngày.

Ngoài lúc đi kiếm cơm, chúng tôi còn rủ nhau đi kiếm chồng tù. Hai năm trời biệt biệt không chút tin tức, chúng tôi lo sợ cho số phận các ông chồng. Dò la, thăm hỏi chẳng có kết quả, chúng tôi đánh bạo rủ nhau lên tận ban Quân quản Thành phố để hỏi han. Câu trả lời cũng chỉ như bao nơi khác: “Cứ yên tâm chờ đợi”.

Cuối cùng thì cuối năm 1977 cũng có tin về sau hơn 2 năm kể từ ngày các sĩ quan của chế độ cũ nghe lời đường mật “Chuẩn bị đồ ăn uống và vật dụng cá nhân trong vòng 10 ngày để đi trình diện”. Ông xã tôi bị nhốt ở trại Hàm Tân, còn anh Cường thì ở Long Khánh. Cứ 3 tháng chúng tôi được phép thăm nuôi tiếp tế thức ăn và thuốc men 1 lần. Hai đứa lại có dịp chỉ bảo nhau làm món gì để được lâu, thuốc nào cần nhất v.v.. để mang lên trại.

Tôi còn nhớ thời gian đó, mỗi chiều tối, sau giờ tan trường, Oanh thường ghé tôi, có khi ở đến tận khuya. Các con Oanh ở nhà đã có cô cháu gái mà Oanh cuu mang từ sau năm 75 chăm nom cơm nước. Chúng tôi ngồi bên nhau chia sẻ mọi điều. Tôi hiểu Oanh nhiều nỗi lo lắng vì nợ nần thúc giục mà không có phương cách giải quyết. Tôi đỡ hơn Oanh một chút là tôi còn có mẹ. Đôi khi hai đứa ngồi bên nhau hàng giờ mà chẳng nói với nhau một tiếng nhưng chúng tôi đều hiểu rằng chúng tôi đang chia nhau nỗi sầu khổ âm thầm.

Một hôm, khoảng sau Tết năm 1978 Oanh ghé tôi theo lệ thường, nhưng hôm đó vẻ mặt Oanh rất bản thân, ngồi hoài không nói. Tôi hỏi:
– Hôm nay Oanh có chuyện gì không mà như mất hồn vậy?

Oanh vẫn ngồi yên không nói. Tôi đứng dậy rót cho bạn 1 ly nước, đến ngồi gần bên ăn cơm:

– Có việc gì hả Oanh?

Sau một phút ngập ngừng, Oanh nói khẽ thật khẽ như sợ có ai nghe thấy:

– Ta nói cái này, đừng giật mình nhé...Minh có bầu.

Tôi giật thót mình, hai lỗ tai lùng bùng.

– Oanh nói gì? Ai có bầu?

– Minh.

– Há?

– Minh có bầu thật đấy, vừa đi khám bác sĩ về xong.

Tôi trân trối nhìn Oanh, vẫn không tin ở hai tai mình. Biết vậy, Oanh mới tí tê khai:

– Hôm Tết rồi đi thăm ông Cường, trại cho ở lại một đêm...

Tôi thở phào như trút được cho chính mình gánh nặng nghìn cân. Oanh nói tiếp:

– Oanh ơi, dẫn mình đi phá đi, mới được khoảng hai tháng thôi, phá chắc dễ.

Tôi ngỡ ngàng hỏi lại:

– Phá? Sao lại phá?

– Chứ để thì làm sao coi được. Ai đòi cô giáo có chồng đi tù mà lại mang bầu. Đâu có ai hiểu...

– Thì nói ra cho mọi người biết.

– Ai tin? Bạn bè, rồi còn học trò nữa chứ. Eo ôi, nghĩ đến là ta rùng mình rồi.

Tôi chợt thấy Oanh có lý. Ủ, ai mà tin nổi, nhất là thời buổi này. Toàn ban giám hiệu đều là người cách mạng, họ sẽ có cơ để bêu riếu, để bôi tro trát trấu lên đầu lên cổ vợ con “thằng ngụy”. Tôi thở dài:

– Ủ, để mình tính xem.

Nói vậy cho Oanh yên lòng chứ thật ra tôi cũng chẳng biết tính làm sao. Tối đến, trong bữa cơm gia đình, tôi nói chuyện với mẹ tôi về việc Oanh muốn tôi chia sẻ. Mẹ tôi bảo:

– Ngày mai Oanh có ghé, con gọi mẹ, mẹ hỏi cô ấy một tí.

– Mẹ hỏi gì hả mẹ?

– Có phải Oanh toàn con gái không?

– Vâng, 7 đứa, bỏ 1 còn 6, toàn là gái cả.

– Mẹ muốn tính xem lần này có bầu, Oanh sẽ sinh trai hay gái.

– Trai hay gái thì thay đổi được gì hả mẹ. Cũng bia miệng mà thôi.

– Minh sẽ nghĩ cách giùm cô ấy. Vả lại, vì sợ bia miệng mà phá bỏ đi một đứa con của mình thì sẽ mang tội con ạ.

Mẹ tôi đặc biệt có một cách tính rất tài tình để biết người mẹ sẽ sinh trai hay gái. Cụ có dạy cho tôi một bài toán chữ Hán, tôi học mãi không thuộc (vì mình có biết tí teo chữ Hán nào đâu). Tôi đã chép vào 1 cuốn sổ để dành nhưng qua hết đợt bố ráp này đến đợt bố ráp khác nó đã không cánh mà bay.

Dẫu rằng cả Oanh và anh Cường đều không mang tư tưởng “nhất nam viết hữu thập nữ viết vô” nhưng cha mẹ nào mà chả mong ước mình có đủ cả trai lẫn gái.

Sau khi gặp mẹ tôi, Oanh mừng lắm, không còn nghĩ đến việc phá thai nữa vì tin tưởng rằng lần này sẽ sinh được một quý tử.

Thông thường, cứ mỗi đầu tháng, các giáo viên chúng tôi đều phải họp toàn trường để kiểm điểm công việc dạy và thực hiện các chỉ thị của Phòng hoặc Sở giáo dục. Tôi xúi Oanh trong phiên họp kỳ này lấy cơ báo cáo 1 công việc gì đó rồi bôi mặt cảm ơn nhà nước đã cho chúng tôi được gặp mặt, tiếp tế cho chồng ở trại giam lại còn gia ân cho ở lại trại 1 ngày 1 đêm nhân dịp Tết vừa qua nữa.

Việc đó quả nhiên hiệu nghiệm. Oanh tuy bị trêu chọc song đã thoát được con hiểm nguy. Cũng may mắn cho Oanh, chỉ vài tháng sau khi cái bụng bầu của Oanh lộ rõ thì anh Cường được về.

Một hôm tôi vừa từ chợ về nhà thì đã thấy anh Cường ngồi đợi. Không kịp để tôi hỏi han câu nào, anh đã vào đề liền:

- Oanh sinh rồi chị, ở Bệnh viện Hùng Vương, con trai.
- Ô, chúc mừng anh. Chắc là Oanh vui lắm. Kỳ này hai ông bà có quý tử, phải ăn mừng thôi

Không trả lời câu nói đùa của tôi, anh chìa ra mảnh giấy còn con nói:

- Oanh gửi chị cái này.

Tôi vội vàng mở mảnh giấy đọc “Oanh ơi, cứu bồ, cho mình mượn 50 đồng để đóng tiền bệnh viện nhé”.

Tôi vừa đi giao hàng về nhưng cũng chỉ có trong tay 30 đồng. Tôi vội vã đạp xe lại ngay nhà chị bạn cùng trường. Tuy chẳng giàu có gì nhưng chị tương đối khá giả hơn chúng tôi vì những tháng ngày xa xưa trước 75, chị là con kiến biết lo xa, ki cốp mua vàng để dành, (trong khi tôi lại là con ve, kêu ra rả hết mùa hè, chỉ biết rong chơi ca hát, cho nên khi đông về thì đói rã rã). Chị lại có lòng tốt nên bạn bè khi cơ nhờ chị đều sẵn sàng san sẻ.

Trao cho anh Cường năm chục bạc xong, tôi biết ngày mai không có tiền chợ cho con song trong lòng vẫn vui vì mừng cho bạn, càng mừng hơn vì thấy cách tính của mẹ tôi thật chính xác, không làm cho Oanh mừng hụt. Nhưng người mừng nhất ắt hẳn là anh Dương Hùng Cường. Anh đặt tên cho cháu là Phụng Hoàng, Dương Phụng Hoàng, con chim quý.

Khoảng 3,4 năm sau khi ra tù, anh Cường liên lạc được với nhà văn Trần Tam Tiếp đang cư ngụ tại Pháp xin lên tiếng kêu gọi Văn Bút Quốc Tế can thiệp và giúp đỡ cho một số các gia đình văn nghệ sĩ Miền Nam còn kẹt lại quê nhà, đang gặp rất nhiều khó khăn cả về 2 mặt vật chất lẫn tinh thần.

Ít lâu sau đó, mỗi năm gia đình chúng tôi nhận được từ 1 đến 3 thùng thuốc tây gửi từ Pháp về (nhưng có lẽ đó là do chính tiền của anh TTTiếp, chứ không phải của VBQT). Song song với thùng quà đôi khi còn có cả 1,2 tờ báo Kháng Chiến nữa. Rồi anh bảo anh em bên nhà viết bài gửi sang. Những thùng quà tuy ít ỏi này cũng đã giúp được gia đình chúng tôi qua những cơn vô cùng bĩ cực.

Nhưng oan nghiệt thay, cũng chính những thùng quà này lại đưa chồng tôi, Khuất Duy Trác, anh Dương Hùng Cường và một số các văn nghệ sĩ khác như các nhà văn Dzoãn Quốc Sỹ, Hoàng Hải Thủy, Hiếu Chân, các nhà thơ Lý Thụy Ý, Trần Ngọc Tư... vào tù lần thứ hai.

Bọn Công an thành phố còn viết nguyên một cuốn truyện đầy tính bịa đặt và vu cáo có tên Những Tên Biệt Kích Cầm Bút, hồng bôi bản và hạ giá nhóm văn nghệ sĩ trên, sửa soạn dự luận cho một bản án thật nặng nề. Chúng đem giam một số tại nhà giam Chí Hoà, số còn lại tại trại giam Phan Đăng Lưu, có ông xã tôi và anh Cường. Oanh và tôi lại có cùng một địa chỉ để tới lui. Số phận chúng tôi cứ gắn chặt với nhau trong những hoàn cảnh nghiệt ngã như vậy.

Do từ việc bỏ bánh kẹo cho các căn-tin trường học, Oanh lần hồi biết được cách thức để đấu thầu toàn bộ cả căn-tin của mỗi trường. Oanh rủ tôi làm công việc này. Thế là hai chúng tôi cùng khởi sự tại một ngôi trường Tàu trong Chợ Lớn. Sau này rành rẽ rồi thì mỗi đứa làm ở mỗi trường khác nhau.

Cứ vào cuối mỗi năm học, giáo viên các trường đều phải điều chỉnh lại tờ lý lịch đã khai từ những ngày đổi đời 30/4/75. Năm 1980, con gái thứ hai của tôi đi vượt biên, tôi không khai. Đến khi ông xã tôi bị bắt lại lần 2 tôi cũng không khai. Ban giám hiệu nhà trường chắc hẳn không biết nên tôi vẫn được yên thân.

Bất ngờ, vào đầu năm 87, hiệu trưởng mời tôi lên nói chuyện. Bà hỏi han tôi về tình hình gia đình, chồng con, công việc v.v.. và cuối cùng bà hỏi tôi có up to date lý lịch đầy đủ cho mỗi năm không. Tôi mạnh nha thấy điều gì đó không ổn. Tuần lễ sau tôi xin nghỉ bệnh và tuần kế tiếp tôi tổng tiếp lá đơn xin thôi việc.

Ở thời điểm này, chiến dịch tổng khử gia đình vợ con tù cải tạo đi kinh tế mới đã chấm dứt vì hoàn toàn thất bại. Từ các vùng kinh tế mới, biết bao gia đình đói rách tả tơi, bệnh hoạn, người sống kẻ chết, lũ lượt kéo về thành phố, nằm la liệt tại các công viên, chợ, nhà thờ, chùa... chính quyền không thể xua đuổi vì họ không còn nơi chốn để dung thân nữa. Do đó tôi không còn lo sợ vì phải lên rừng lập nghiệp. Lại nữa tổng khử đi được một con vợ “ngụy”, cũng nhẹ gánh lo cho ban giám hiệu nên họ nhận đơn mà không hỏi han gì cả.

Thời gian này rộ lên rất nhiều tin tức về việc Mỹ sẽ đón các sĩ quan QLVNCH bị tù cải tạo. Tuy rằng chỉ là tin đồn miệng, chẳng có một nguồn xác thực nào nhưng chúng tôi vẫn cứ nuôi hy vọng trong lòng để tiếp tục sống và tiếp tục chịu đựng.

Một ngày đầu tháng 12 năm 1987, lúc đó khoảng 2-3 giờ trưa tôi đang ở nhà thì cô cháu gái của Oanh đến, mặt mũi phờ phạc, nói như đứt hơi: “Cô ơi, chú Cường mất rồi, cô con đang xiu ở nhà, cô xuống mau đi cô”

Khi tôi bước chân vào đến nhà thì thấy Oanh đang vật vã vừa khóc vừa gào: “Tôi không sống một mình đâu, trời ơi là trời. Anh Cường ơi, em không sống một mình đâu!!” Tôi ôm lấy tấm thân gầy guộc của bạn, lòng đau xót từng cơn và nước mắt cứ mặc tình tuôn chảy... Không biết bao lâu sau, khi kêu gào đã quá mệt, tôi đỡ Oanh nằm xuống giường rồi bảo với các con Oanh: “ để yên cho mẹ nghỉ một chút”. Hàng xóm xung quanh nghe tiếng khóc, vài ba người lấp ló ngoài cửa.

Bình tâm trở lại, tôi hỏi thăm cháu Linh, cháu tí tê kể: “Sáng nay cháu ở nhà, công an khu vực tới đòi gặp mẹ. Cháu bảo mẹ đang dạy ở trường, anh ấy nhắn bảo mẹ ra phường gấp có giấy báo của bố. Khi cháu ra trường bảo cho mẹ biết thì mẹ vẫn nghĩ là tin mừng. Mẹ bảo chắc bố được thả...ồ, hay là...Mỹ đón. Mẹ bảo cháu về trước, chuẩn bị đồ vest cho Bố. Đến khi hai mẹ con ra đến phường nhận giấy mới vỡ lẽ...Họ bảo sáng ra đến giờ tập họp, không thấy bố ra, đến đập cửa phòng cũng không thấy bố cháu trả lời, họ mở khoá ra thì thấy bố cháu đã mất rồi.”

Oanh được phép đến trại giam Phan Đăng Lưu để nhận diện xác chồng trước khi được phép chôn cất. Đám tang phải làm gấp ngày hôm sau và chỉ cho 2 người mang áo quan vào lấy xác tại khám Chí Hoà mà thôi.

Hôm sau tôi đi cùng với Oanh nhưng phải ngồi chờ ngoài gốc cây trước cổng trại cùng với các con nhỏ của Oanh. Số bạn bè và họ hàng thân thuộc đến đưa tiễn đều không được tập trung một nơi mà phải phân tán rải rác dọc theo con đường Hoà Hưng, chờ đợi khi xe tang ra đến đầu đường rồi mới được tháp tùng theo.

Ôi, quân Cộng sản sao mà độc ác. Người sống chúng không tha đã đành, người chết chúng cũng không cho chôn cất tử tế...Huyết mộ đã lấp lại rồi nhưng Oanh vẫn đứng trơ trơ như một bức tượng. Nước mắt đâu?

Có lẽ nó đã chảy ngược vào lòng. Tôi chợt nhớ đến bài thơ “Đi nhận xác chồng” của Lê Thị Ý:

Mùi hương cứ tưởng hơi chồng
Ôm mỗ cứ tưởng ôm vòng người yêu

Thật tội nghiệp cho bạn tôi. Cũng thật tội nghiệp cho những người phụ nữ trót sinh ra trong thời đại chúng tôi.

Vết thương tang chồng chưa ngưng chảy máu thì 3 tháng sau Oanh lại phải rứt ruột đẩy đứa con gái đầu lòng thân yêu, Dương Mạc Thi, ra đi trong một chuyến vượt biển với bao bất trắc chờ đợi. Than ôi, đó cũng là lần cuối cùng Oanh nắm được bàn tay nhỏ bé của con: chuyến tàu chở cháu Thi đã không bao giờ tới bến. Chỉ trong vòng 4 tháng Oanh đưa hình hai người thương yêu nhất đời mình lên chùa...

Rồi dòng đời lại tấp tểnh trôi đi. Oanh vội vã bịt kín những vết thương, giấu chặt nó vào tận cùng trái tim để ngày ngày phải đối mặt với những cam go của cuộc sống, với tương lai của bấy con còn lại. Thời gian sau này chúng tôi ít gặp nhau hơn vì mỗi đứa con đều riêng mỗi trường mà công việc thì quá đa đoan, tấp tểnh, cần đến rất nhiều thời gian, Oanh lại vẫn theo đuổi công việc dạy học.

Mùa hè năm 1989, giữa chúng tôi có vài chuyện không vui, tôi giận Oanh. Biết mình không đúng, xin lỗi tôi không xong, Oanh nhờ một cô bạn khác đến năn nỉ, tôi vẫn gan cùng mình không chịu làm hoà. Gần 2 tháng trời chúng tôi không gặp nhau. Một buổi trời đã chạng vạng tối, một anh bạn tù của ông xã tôi, hốt hoảng đến báo tin Oanh bị đụng xe, đã đưa vào bệnh viện Trung Vương, nhưng tình trạng hình như không được ổn. Tôi tức tốc vào thẳng nhà thương trong tâm trạng rối bời và thật hồi hộp.

Oanh nằm đó, bất động, đôi mắt đã khép lại vĩnh viễn... Tôi bật lên khóc nức nở, nắm lấy tay bạn, sờ lên mặt bạn, vuốt trên người bạn, tôi muốn gào lên “Oanh ơi. Oanh ơi, mình đây, mình đang ở bên Oanh đây, mình không còn giận Oanh nữa đâu, tỉnh dậy đi Oanh ơi!!!”

Tôi đưa tay bứt mớ tóc trên đầu xem mình có thật sự tỉnh không, có phải đây là sự thật không... Nỗi hối hận trong tôi trào lên, tôi giận tôi, tôi ghét tôi, tôi là con bạn tôi, sao tôi có chấp thế... Tuy đã cố dằn vì chỗ đông người, cổ họng tôi vẫn bật lên tiếng gọi “Oanh ơi. Oanh ơi. Dậy đi, mình thương Oanh lắm, có nghe mình nói không?”

Tôi ngồi bên Oanh như thế, nước mắt tiếp tục chảy không thôi, biết bao điều muốn vượt ra khỏi trái tim nên lồng ngực đau thắt... Lâu lắm, chợt nghe tiếng bà dì Oanh nói “Cô phụ tôi thay quần áo cho Oanh nhé. Người bây giờ còn mềm, thay dễ”. Tôi nâng đầu Oanh dậy tay chạm ngay vết thương sau ót, máu còn dính bết vào tóc. Đến lúc thay áo lại phát hiện ra phần dưới cũng bị thương, hình như vỡ xương hông thì phải. Ôi, đau đớn biết bao!

Mãi sau này các cháu con Oanh mới kể rằng, sáng hôm đó, một cậu nhỏ mới quen đến chở Oanh về Thủ Đức để đi hỏi vợ giùm cho cậu ta. Buổi chiều, trên đường về, đã gần đến nhà, đang băng qua con lộ Lý Thường Kiệt để vào ngõ thì bị một xe hơi do người tài xế say rượu đâm phải.

Oanh là thế đấy, hay làm chuyện bao đồng để giúp người. Oanh mất đi bỏ lại bảy con 5 đứa. Con chim quý, Phụng Hoàng, của vợ chồng Oanh sinh bất phùng thời, mới 10 tuổi đầu đã mồ côi cả cha lẫn mẹ. Nhưng như một định luật bù trừ, hai con lớn của Oanh tiếp tục công việc của mẹ, không những đã duy trì được mức sống đầy đủ cho gia đình mà các cháu còn đua nhau học hành tới nơi tới chốn nữa.

Nếu người ta tin có linh hồn thì chính linh hồn người Mẹ, day dứt lúc ra đi đã quay trở lại thế gian này để phù trợ cho các con vươn lên trong cuộc sống.

Hôm nay ngồi viết những dòng hồi tưởng này về một phần đời không nhỏ của bạn tôi, Vũ Hoàng Oanh, người phụ nữ tâm tính hiền lành, hay giúp đỡ người khác nhưng số phận cay nghiệt đã dành cho cuộc đời bao tang thương, oan trái. Khi sống, tâm tư luôn mòn mỏi vì lo toan cơm áo, còn mang nặng những vết thương không cơ hàn gán. Đến lúc lia đời, lại ra đi trong một cơn mê khóc liệt với thân thể đờn đau, với cõi lòng đứt đoạn vì bảy con thơ dại.

Oanh ơi, những dòng hồi ức hôm nay cũng còn là những nén hương muện màng mình thắp lên để nhớ đến Oanh, nhớ đến một quãng đời hai chúng ta cùng chung bước trải dài từ tuổi học trò cho đến khi vĩnh biệt.

Ngủ đi Oanh, hỡi bạn hiền,
Ngủ cho say nhé, triền miên giấc nồng
Chuông chùa vọng giữa thình không
Đưa hồn an lạc về vùng tịnh yên.

Áu Oanh

Hai mươi năm, ngày giỗ bạn, 21.6.1989 – 21.6.2009

Tiểu sử nhà văn Dương Hùng Cường



Sinh ngày 1-10-1934 tại Hà Nội, gia nhập Không Quân thụ huấn cơ khí viên tại Pháp năm 1953, trở thành hạ sĩ quan cơ khí phục vụ tại nhiều đơn vị. Từ giữa thập niên 1960 phục vụ tại Phòng Tâm Lý Chiến Bộ Tư Lệnh Không Quân với cấp bậc Chuẩn Úy.

Là một cây bút nổi tiếng trong giới văn nghệ, báo chí Sài Gòn, ông có 3 tác phẩm đã xuất bản: Linh Thành Phố, Buồn Vui Phi Trường và Vĩnh Biệt Phượng. Sau năm 1975, bị tù cải tạo tới năm 1979.

Năm 1984, bị bắt giam với tội danh gián điệp do viết bài gửi ra nước ngoài và qua đời tại nhà tù T20 Phan Đăng Lưu, Gia Định năm 1987.

Nguồn: Bài do nhà văn Song Thao gửi